

Bản án số: 408/2026/HS-ST

Ngày: 19 - 6 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Viết Hùng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Đình Nghinh

2/ Bà Trần Thị Như Phương

3/ Bà Tạ Thị Kim Tuyến

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thăng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 207/2026/TLST-HS ngày 12/02/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3318/2026/QĐXXST-HS ngày 20/5/2026 đối với bị cáo:

Châu Phước B; giới tính: Nam; sinh ngày 20/02/1993 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú và nơi ở: 47B1 NTT, Tổ 17, Khu phố 6, phường H, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên nhân viên Công ty Cổ phần Dịch vụ G; con ông Châu Phước L và bà Nguyễn Thị Minh P; có vợ là Nguyễn Thị Thanh T; có 01 con (sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Chí Hòa từ ngày 24/01/2025 đến nay (có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác:

- Người bào chữa:

Ông Nguyễn Hoàng A là luật sư của Văn phòng luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Châu Phước B (vắng mặt).

- Bị hại:

Công ty Cổ phần Dịch vụ G.

Trụ sở: 405/15 XV, Phường H, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Do ông Lương Duy H, chức vụ: tổng giám đốc – làm đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Quách Huỳnh P, sinh năm: 2002.

Địa chỉ: 921/3A Quốc lộ 1A, phường A, Quận H (nay là phường A), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: 21 ĐTT, phường Q, quận P (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: 47B NTT, phường H, Quận H (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Bà Lê Ngọc Như Q, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: 446/36 LTR, phường T, Quận H (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Dịch vụ G (Công ty G) có địa chỉ trụ sở chính tại số 405/15 đường XV, Phường H, quận B (nay là phường B), TP. Hồ Chí Minh được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Số 0311907295 ngày 02/8/2012 và các Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thuộc Công ty G trên địa bàn Quận H, TP. Hồ Chí Minh (cũ). Các Bưu cục liên quan trên địa bàn gồm: Bưu cục 87 TX 21, phường TX; Bưu cục 55 TTD, phường H; Bưu cục 467 TTH07, phường T.

Công ty G ký Hợp đồng lao động số 1718548/HĐLĐ/EXP/2023 ngày 01/10/2023 với Châu Phước B với vị trí là Quản lý khu vực Quận H (cũ), được gọi là AM khu vực của Công ty G, được công ty giao nhiệm vụ: quản lý, phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên; báo cáo, đánh giá kết quả làm việc; chịu trách nhiệm theo dõi việc thu hồi và nộp COD (tiền hàng thu hộ) về công ty, quản lý hàng hóa, tồn kho và các hoạt động vận hành trong khu vực quản lý. Theo quy định của Công ty, cuối mỗi ca/ngày làm việc, nhân viên phát triển thị trường (tài xế giao hàng) có trách nhiệm bàn giao tổng số tiền trong ca/ngày đã nhận từ khách hàng cho nhân viên xử lý đúng với tổng số tiền hiển thị trên hệ thống và theo dõi nhân viên xử lý xác nhận đã thu tiền trên hệ thống tương ứng trên ứng dụng tài xế. Các nhân viên xử lý của bưu cục sau khi nhận tiền từ tài xế sẽ nộp vào tài khoản công ty. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là quản lý, theo dõi việc thu hồi và nộp COD về cho Công ty G, Châu Phước B mỗi ngày đến các Bưu cục trên địa bàn quản lý để yêu cầu các Trưởng Bưu cục, nhân viên xử lý nộp tiền COD thu được cho B để tổng hợp nộp về công ty, tuy nhiên, B chỉ nộp một phần về công ty, số tiền còn lại B dùng thủ đoạn lập các phiếu chiếm dụng tiền COD đổ lỗi cho các nhân viên khác trên hệ thống quản lý gửi về công ty để che giấu hành vi chiếm đoạt tiền của mình. Trong thời gian từ 23/12/2023 đến 23/02/2024, tổng số tiền B chiếm đoạt của Công ty G là **1.439.175.932 đồng**. Cụ thể:

Tại Bưu cục 87 TX 21, phường TX, Quận H (cũ), nay là phường A, TP. Hồ Chí Minh:

Ngày 23-24/12/2023, theo yêu cầu của Châu Phước B, Trưởng Bưu cục là Quách Huỳnh P đã nộp cho Châu Phước B số tiền 377.068.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản đến số tài khoản 222999979 của Châu Phước B mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng MB), trong đó bao gồm 292.178.574 đồng tiền COD do các nhân viên xử lý thu theo Danh sách phiếu thu các đơn hàng trong ngày 23, sáng ngày 24/12/2023 và 84.889.426 đồng là tiền của các đơn hàng của buổi chiều ngày 24/12/2023 (không nằm trong Danh sách phiếu thu trên). Sau khi nhận số tiền trên, B chỉ nộp về Công ty G một phần và chiếm đoạt số tiền 292.178.574 đồng. Để tránh bị phát hiện, B tạo Phiếu chiếm dụng Số 1021599 ngày 24/12/2023 thông báo về Công ty G việc nhân viên Quách Huỳnh P (MSNV: 3038819) chiếm dụng số tiền trên. Sau đó, B đưa ra lý do Phát bị tai nạn, làm mất số tiền 292.178.574 đồng để báo cáo về công ty và xin bảo lãnh cho Phát tiếp tục làm việc. (Quách Huỳnh P không biết việc này).

Ngày 02-03/02/2024, nhân viên thu tiền COD của tài xế là Châu Phước B và Lê Văn Q. Theo Danh sách phiếu thu ngày 02-03/02/2024, B đã trực tiếp thu 137.771.389 đồng; Lê Văn Q thu 182.100.253 đồng sau đó Q chuyển toàn bộ số tiền đã thu lại cho nhân viên Trần Thị Tuyết N và Trưởng Bưu cục Quách Huỳnh P để tổng hợp chuyển cho Châu Phước B. P và N đã chuyển khoản số tiền 182.100.253 đồng vào tài khoản số 222999979 Ngân hàng MB của Châu Phước B. B nhận tiền nhưng chỉ nộp về Công ty 18.467.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 301.404.642 đồng. Sau đó để tránh bị phát hiện, B lập Phiếu chiếm dụng Số 1127575 ngày 14/02/2024 thông báo về nhân viên Trần Trọng N (MSNV: 3051872 - Nhân viên xử lý của Bưu cục 87 TX 21) chiếm dụng số tiền COD ngày 02-03/02/2024 là 301.427.000 đồng. N lúc này đang xin nghỉ về quê, khi đi làm lại thì B yêu cầu N phải ký vào biên bản tường trình việc mình chiếm dụng số tiền trên với lý do để mở lại tài khoản nhân viên bị công ty khóa. Tin tưởng B nên N ký vào biên bản nhưng sau đó Công ty không mở khóa tài khoản và cũng không liên lạc được với B nên N đã nghỉ việc sau đó. (N không biết việc B chiếm đoạt tiền COD của Công ty G).

Ngày 23/02/2024, các nhân viên xử lý của Bưu cục 87 TX 21 thu tiền COD với tổng số tiền 294.874.543 đồng. Sau đó, Trưởng Bưu cục Quách Huỳnh P và nhân viên Trần Thị Tuyết N đã thực hiện nộp 1.801.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 293.074.000 đồng vào tài khoản số 222999979 Ngân hàng MB của Châu Phước B. Tổng số tiền đã nộp cho Châu Phước B là 294.875.000 đồng (nộp dư 457 đồng). B nhận tiền nhưng chỉ nộp về công ty 73.200.000 đồng, còn lại chiếm đoạt số tiền 221.674.543 đồng.

Tổng số tiền B đã chiếm đoạt của Công ty G tại Bưu cục 87 TX 21 là **815.258.759 đồng.**

- *Tại Bưu cục 467 TTH07, phường T, Quận H (cũ), nay là phường T, TP. Hồ Chí Minh.*

Ngày 17/01/2024, tổng số tiền COD thu từ các đơn hàng trong ngày là 424.629.725 đồng do Tô Ngọc G và Châu Phước B thu từ tài xế. Nguyễn Thị Thanh T là Trưởng bưu cục không có mặt tại bưu cục trong ngày nên không biết B thu tiền từ các nhân viên như thế nào. B xác nhận đã thu đủ số tiền COD trên nhưng chỉ chuyển khoản nộp số tiền 127.741.000 đồng về Công ty G, số tiền còn lại là 296.888.725 đồng thì B chiếm đoạt. Để tránh bị công ty phát hiện, B tiếp tục sử dụng thủ đoạn lập Phiếu chiếm dụng số 1076156 ngày 18/01/2024 thông báo về việc nhân viên Nguyễn Hồng V của Bưu cục 467 TTH07

chiếm dụng số tiền COD là 296.881.000 đồng gửi về Công ty. Tuy nhiên, khi Công ty yêu cầu cung cấp bằng chứng xác định V chiếm dụng tiền của Công ty thì B không cung cấp được.

Ngày 23/02/2024, tổng số tiền COD từ các đơn hàng trong ngày là 307.950.159 đồng do các nhân viên Vũ Trọng H, Châu Phước B, Tô Ngọc G thu. Châu Phước B thu trực tiếp từ tài xế là 110.948.000 đồng và nộp số tiền này về công ty. Nguyễn Thị Thanh T đã thu tiền COD từ tài xế và nhân viên xử lý là 197.002.159 đồng gồm tiền chuyển khoản là 104.377.000 đồng và tiền mặt là 92.630.000 đồng, thực hiện chuyển khoản số tiền 104.377.000 đồng đến tài khoản Ngân hàng MB số 222999979 của Châu Phước B và nộp 93.630.000 đồng tiền mặt. Số tiền 197.002.159 đồng do Nguyễn Thị Thanh T nộp lại thì B không nộp về công ty mà chiếm đoạt.

Tổng số tiền Công ty G bị Châu Phước B chiếm đoạt tại Bưu cục 467 TTH07, phường T, Quận H (cũ) là **493.890.884** đồng.

- *Tại Bưu cục 55 TTD, phường H, Quận H (cũ), nay là phường T, TP. Hồ Chí Minh.*

Ngày 23/02/2024, Lê Ngọc Như Q là Trưởng Bưu cục 55 Trần Thị Do thu tiền COD từ các nhân viên, tài xế tổng số tiền là 206.901.289 đồng. Sau đó, Q nộp tiền mặt là 2.000.000 đồng và chuyển khoản nộp cho B số tiền 128.476.000 đồng (chuyển dư 448.000 đồng do nhân viên chuyển dư 01 đơn hàng). Q tự chuyển khoản về cho Công ty G số tiền 76.874.000 đồng. Sau khi nhận số tiền COD từ Q, B không nộp số tiền COD trên mà chiếm đoạt số tiền **130.027.289 đồng**.

***Kết quả xác minh:**

Tiến hành cho Châu Phước B kiểm tra lại các Danh sách phiếu thu các ngày 17/01/2024 và ngày 23/02/2024 tại Bưu cục 467 TTH07; Phiếu thu các ngày 02-03/2/2024, ngày 23/02/2024, ngày 23-24/12/2023 tại Bưu cục 87 TX 21; Phiếu thu ngày 23/02/2024 tại Bưu cục 55 Trần Thị Do, B đã kiểm tra, xác định tiền COD trong các phiếu thu của 03 bưu cục nêu trên trùng khớp với tổng số tiền mà B chiếm đoạt là **1.439.175.932** đồng.

***Kết quả ghi lời khai:**

- **Châu Phước B** khai nhận hành vi phạm tội. Về quy trình làm việc, B khai mỗi buổi sáng, xe tải chở hàng hóa đến cho từng bưu cục. Nhân viên giao nhận hàng đến lấy hàng hóa được phân chia theo từng khu vực để đi giao rồi thu tiền hàng COD của khách về nộp lại cho nhân viên của kho của từng bưu cục để người này nộp tiền lại cho Trưởng Bưu cục. B sẽ đến trực tiếp các bưu cục do B được phân công quản lý để thu tiền từ các Trưởng Bưu Cục rồi nộp tiền vào tài khoản Công ty G.

Sau khi thu tiền COD từ các trưởng Bưu cục hoặc từ các nhân viên xử lý, nhân viên giao hàng, B chỉ chuyển một phần về công ty qua tài khoản ngân hàng. Để che giấu hành vi của mình, Châu Phước B thực hiện thủ đoạn lập các phiếu chiếm dụng để thông báo về việc nhân viên của Công ty chiếm dụng số tiền COD như trường hợp của nhân viên Quách Huỳnh P, Nguyễn Hồng V và Trần Trọng N, sau đó, tìm các lý do báo về Công ty để trì hoãn thời gian, tránh bị công ty phát hiện.

Tổng số tiền đã chiếm đoạt của Công ty là 1.439.175.932 đồng. B đã sử dụng hết số tiền chiếm đoạt của công ty vào mục đích tiêu xài và trả nợ cá nhân. Đối với Nguyễn Thị Thanh T (vợ của B) là Trưởng Bưu cục 467 TTH07, là cấp dưới của B, Tuyền hoàn toàn

không biết việc B thực hiện hành vi phạm tội.

- **Trần Thị Thiện M** - Giám đốc kiểm toán nội bộ của Công ty G khai: Châu Phước B là nhân viên Quản lý khu vực Quận H. Trong quá trình quản lý đã lợi dụng quyền hạn và chức vụ được phân công để yêu cầu các Trưởng bưu cục, Nhân viên xử lý nộp tiền COD thu được về cho bản thân để tổng hợp nộp về Công ty. Tuy nhiên, B không nộp số tiền này về Công ty mà chiếm dụng với tổng số tiền tính đến ngày bị phát hiện là 1.439.175.932 đồng. Sau khi phát hiện việc chiếm dụng nêu trên, công ty đã cử ông Nguyễn Văn Tuyên làm việc với B và phát hiện có một số trường hợp chiếm dụng phát sinh trước ngày 23/02/2024, Châu Phước B đã cố tình tạo các phiếu báo chiếm dụng về công ty sai sự thật nhằm che giấu hành vi chiếm đoạt tiền COD của mình như: ngày 24/12/2023 tạo Phiếu chiếm dụng số 1021599 thông báo nhân viên Quách Huỳnh P chiếm dụng số tiền COD là 292.178.574 đồng; ngày 18/01/2024 tạo Phiếu chiếm dụng số 1076156 thông báo nhân viên Nguyễn Hồng V chiếm dụng số tiền COD là 296.881.000 đồng; ngày 14/02/2024 tạo Phiếu chiếm dụng số 1127575 thông báo nhân viên Trần Trọng N chiếm dụng số tiền COD là 301.427.000 đồng. Châu Phước B đã viết biên bản xác nhận đã nhận đủ số tiền COD tại các trường hợp do B tạo phiếu chiếm dụng nêu trên.

- **Nguyễn Thị Thanh T** khai làm Bưu cục trưởng Bưu cục 467 TTH07, phường T, Quận H (cũ) của Công ty G từ năm 2022 đến tháng 04/2024, nhiệm vụ là kiểm soát tiền COD của bưu cục (tiền COD thu về từ các đơn hàng mà bưu cục giao) để giao lại cho AM, thời điểm đó là Châu Phước B. Tuyên xác nhận đã nộp đủ tiền COD cho Châu Phước B vào ngày 23/02/2024, đối với các đơn hàng ngày 17/01/2024 thì Tuyên không đi làm, nhân viên xử lý và tài xế nộp tiền thu COD trực tiếp cho B thế nào thì Tuyên không rõ, chỉ nghe công ty báo lại là B đã chiếm dụng 296.888.725 đồng. Tổng số tiền mà B đã chiếm đoạt tại Bưu cục 467 TTH07 là 493.890.884 đồng. Việc Châu Phước B chiếm dụng tiền của Công ty để sử dụng vào mục đích gì thì Tuyên không biết, Tuyên không hưởng lợi gì trong việc này. Sau khi sự việc bị Công ty G phát hiện, Tuyên chỉ nghe Châu Phước B nói lấy tiền để trả nợ.

- **Quách Huỳnh P** khai làm Trưởng Bưu cục tại Bưu cục 87 TX 21, phường TX, Quận H (cũ) của Công ty G từ tháng 12/2023 đến tháng 07/2024. Tiền COD của bưu cục sau khi đã thu từ nhân viên xử lý, tài xế các ngày 23-24/12/2024, 02-03/02/2024 đều được Phát và Trần Thị Tuyết N (nhân viên bưu cục) nộp cho Châu Phước B, tuy nhiên Châu Phước B không nộp hết cho Công ty mà chiếm đoạt tổng số tiền là 815.258.759 đồng. Ngoài ra để che giấu hành vi, B còn tạo Phiếu chiếm dụng số 1021599 thông báo về việc bản thân Phát chiếm dụng số tiền COD ngày 23/12/2023 và sáng ngày 24/12/2024 của bưu cục, đồng thời B còn xin bảo lãnh cho Phát tiếp tục làm việc vì lý do Phát bị tai nạn. Tuy nhiên, thời điểm đó, Phát vẫn làm việc B thường, không bị tai nạn và không chiếm dụng tiền của Công ty. Sau đó, Công ty phát hiện sự việc trên thì đã cử ông Nguyễn Văn Tuyên làm việc với B, B thừa nhận việc chiếm dụng tiền và đã viết biên bản xác nhận đã nhận số tiền từ Phát.

- **Trần Thị Tuyết N** khai là nhân viên xử lý của Bưu cục 87 TX 21, có nhiệm vụ nhận hàng từ xe tải giao đến Bưu cục; phân hàng cho shipper đi giao; thu tiền COD; nộp tiền COD về Công ty hoặc AM. Đồng thời, N xác nhận giống như lời khai Bưu cục trưởng Quách Huỳnh P, đã nộp đủ tiền COD theo Danh sách phiếu thu các ngày 23-24/12/2024 và 02-03/2/2024 cho Châu Phước B là Quản lý của khu vực Quận H (cũ).

- **Trần Trọng N** khai là nhân viên xử lý của Bưu cục 87 TX 21, ngày 01/02/2024, N

xin nghỉ làm 05 ngày tại Công ty G để về quê ăn đám cưới. Khoảng ngày 02/02/2024, Châu Phước B gọi điện thoại nói sẽ làm Phiếu thông báo N chiếm dụng tiền COD của Công ty. N hỏi lý do thì B không trả lời mà chỉ nói khi nào lên làm việc thì B giải quyết rồi tắt điện thoại. Đến tối 05/2/2024, N đến Công ty đi làm B thường. Đến ngày 06/2/2024, B điện thoại nói ID của N bị cắt, đi làm cũng không có lương và kêu ra quán cà phê Ana, trên đường Trương Thị Hoa nói chuyện. Khi gặp B, B yêu cầu viết Bản tường trình và bản cam kết làm mất tiền 301.427.000 đồng, là tiền thu COD của ngày 02-03/2/2024 để B làm bảo lãnh mở lại ID. Mặc dù, N không làm mất số tiền trên, cũng không thu tiền COD của các ngày trên nhưng vì đang bị cắt ID, được B hứa mở lại ID nên N làm theo hướng dẫn của B mà không nói lý do. Sau đó, ID không được mở lại và không còn liên lạc được với B nên N đã nghỉ việc, N khẳng định không chiếm dụng tiền của công ty và chỉ làm theo yêu cầu của B.

- **Lê Ngọc Như Q** khai là Trưởng Bưu cục TTD từ tháng 08/2023, công việc cụ thể là quản lý nhân sự, quản lý hàng hóa, thu tiền COD của shipper nộp về Công ty hoặc nộp cho AM để AM nộp về Công ty, thời điểm đó AM là Châu Phước B. Lê Ngọc Như Q khai đã nộp đủ số tiền COD của các đơn hàng trong ngày 23/02/2024 cho Công ty và Châu Phước B. Số tiền COD chuyển nộp cho Châu Phước B là 130.476.000 đồng (dư 442.000 do nhân viên chuyển dư 01 đơn hàng) nhưng B không nộp về công ty mà chiếm đoạt 130.027.289 đồng.

***Về vật chứng vụ án:** không.

***Về dân sự:** Công ty G yêu cầu Châu Phước B trả lại tổng số tiền COD đã chiếm đoạt là 1.439.175.932 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 657/CTr-VKS-P3 ngày 09/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Châu Phước B, có lý lịch trên, về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4, Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Châu Phước B từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Tham ô tài sản”;

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận gia đình bị cáo Châu Phước B đã bồi thường cho bị hại số tiền đã chiếm đoạt là 1.439.175.932 đồng.

- Về xử lý vật chứng: không.

Luật sư Nguyễn Hoàng A bào chữa cho bị cáo Châu Phước B gửi bài bào chữa đề nghị xem xét về hình phạt cho bị cáo, với lý do: bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình có công với cách mạng; có con nhỏ sinh năm 2023, hoàn cảnh gia đình khó khăn; đã khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo B dưới mức hình phạt quy định của điều luật cũng đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo.

Bị cáo đồng ý với nội dung bài bào chữa của Luật sư, không bào chữa bổ sung và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, luật sư, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với luật sư Nguyễn Hoàng A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời gửi bài bào chữa Châu Phước B đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người bào chữa theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm: 2021, 2024, 2025.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Châu Phước B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các phiếu thu, chứng từ chuyển khoản, biên bản đối chiếu công nợ, biên bản xác nhận số tiền chiếm đoạt, các phiếu chiếm dụng do bị cáo lập và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Công ty Cổ phần Dịch vụ G là doanh nghiệp ngoài Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực vận chuyển hàng hóa, giao nhận và thu hộ tiền hàng (COD). Theo Hợp đồng lao động số 1718548/HĐLĐ/EXP/2023 ngày 01/10/2023, bị cáo Châu Phước B được tuyển dụng và giao nhiệm vụ giữ chức vụ Quản lý khu vực Quận H (AM khu vực), có trách nhiệm quản lý hoạt động của các bưu cục thuộc phạm vi phụ trách, theo dõi việc thu hồi, quản lý và nộp tiền COD về Công ty. Do đó, bị cáo là người được giao trực tiếp quản lý tài sản của doanh nghiệp và có trách nhiệm quản lý số tiền COD phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Lợi dụng chức vụ, quyền hạn và nhiệm vụ được giao, trong khoảng thời gian từ ngày 23/12/2023 đến ngày 23/02/2024, bị cáo đã nhiều lần yêu cầu các Trưởng bưu cục và nhân viên xử lý giao nộp tiền COD cho mình để tổng hợp nộp về Công ty. Sau khi nhận tiền, bị cáo chỉ nộp một phần cho Công ty, còn lại chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân. Để che giấu hành vi phạm tội, bị cáo đã lập nhiều Phiếu chiếm dụng với nội dung gian dối, đổ lỗi cho các nhân viên khác chiếm dụng tiền COD nhằm kéo dài thời gian, tránh bị Công ty phát hiện việc chiếm đoạt tài sản. Bằng thủ đoạn nêu trên, bị cáo đã chiếm đoạt của Công ty Cổ phần Dịch vụ G tổng số tiền 1.439.175.932 đồng.

Hành vi của bị cáo thể hiện rõ việc lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để chiếm đoạt số tiền thuộc trách nhiệm quản lý của mình. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp

pháp của Công ty Cổ phần Dịch vụ G, có giá trị đặc biệt lớn. Vì vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Châu Phước B đã cấu thành tội “Tham ô tài sản”, thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản trị giá từ 1.000.000.000 đồng trở lên, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi của bị cáo Châu Phước B là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức trong quản lý tài sản được giao; đồng thời xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Công ty Cổ phần Dịch vụ G. Bị cáo được giao quản lý, thu hồi và nộp tiền COD cho Công ty nhưng đã lợi dụng sự tin tưởng của đơn vị sử dụng lao động để chiếm đoạt số tiền đặc biệt lớn là 1.439.175.932 đồng. Hành vi của bị cáo không chỉ gây thiệt hại về tài sản mà còn ảnh hưởng xấu đến kỷ luật, trật tự trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Bị cáo Châu Phước B có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của bị hại; bị cáo có nhân thân tốt; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo B có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo B mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận gia đình bị cáo Châu Phước B đã bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 1.439.175.932 đồng cho bị hại là Công ty Cổ phần Dịch vụ G.

[6] Đối với các vấn đề khác:

- Đối với Quách Huỳnh P, Trần Trọng N, Nguyễn Hồng V là những người bị Châu Phước B tự lập Phiếu chiếm dụng tiền COD trên hệ thống báo về Công ty G mục đích để che giấu hành vi phạm tội của B. Quá trình điều tra xác định, các nhân viên trên không biết, không thực hiện, không tham gia, giúp sức cho B chiếm đoạt tiền của Công ty G nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét xử lý về hình sự những người có tên trên là có căn cứ.

- Đối với các Bưu cục trưởng Nguyễn Thị Thanh T (vợ của Châu Phước B), Quách Huỳnh P, Lê Ngọc Như Q. Quá trình điều tra xác định, tất cả những người này đều không biết, không giúp sức hay tạo điều kiện để B chiếm đoạt tiền của Công ty G, không hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt tiền của B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh không xem xét xử lý về hình sự những người trên là có căn cứ.

[7] Xử lý vật chứng và án phí:

- Về xử lý vật chứng: không.

- Về Án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Luật Phí, Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Châu Phước B 15 (mười lăm) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 24/01/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận gia đình bị cáo Châu Phước B đã bồi thường số tiền đã chiếm đoạt 1.439.175.932 đồng cho bị hại là Công ty Cổ phần Dịch vụ G.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015; Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TPT TAND TC tại TP.HCM; (1)
- VKSND-TP.HCM; (3)
- THA-DS; (1)
- THA HS; (2)
- Phòng PV 06 - CA TP. HCM; (1)
- Công an TP.HCM; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Trại tạm giam; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; (4)
- Luật sư; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ; (24) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Viết Hùng

